

NGUYỄN DUY THÀNH*

**ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT CỦA
KIỆU RƯỚC TƯỢNG TRONG TÍN NGƯỠNG,
TÔN GIÁO VÙNG CHÂU THỔ BẮC BỘ**
(Khảo sát tục rước kiệu của tín ngưỡng Thành hoàng và
nghỉ lễ Công giáo ở Hà Nội)

Tóm tắt: Nghiên cứu kiệu rước tượng và nghỉ lễ rước kiệu thể hiện niềm tin vào thần linh, tinh thần cố kết cộng đồng trong không gian văn hóa nông nghiệp lúa nước điển hình. Với mỗi tín ngưỡng, tôn giáo, quan niệm về kiệu rước tượng và nghỉ lễ rước kiệu có sự khác biệt qua kết cấu, hoa văn, hình thức rước kiệu, niềm tin của nhân dân trong các nghi lễ truyền thống. Bằng cách tiếp cận liên ngành Tôn giáo học, Việt Nam học cùng với phương pháp nghiên cứu định tính, tập trung phỏng vấn sâu, phỏng vấn tham dự, nghiên cứu nhằm làm rõ phân nào kiệu rước tượng trong tín ngưỡng thờ Thành hoàng để đối sánh với nghỉ lễ rước kiệu trong Công giáo của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ. Từ đó, cung cấp những tri thức dân gian, lý giải một phần bản sắc văn hóa truyền thống của người Việt Nam trong hành trình xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

Từ khóa: Phong tục, kiệu rước tượng, tín ngưỡng Thành hoàng, nghỉ lễ Công giáo, Hà Nội

Dẫn nhập

Từ xưa đến nay, các hình thức thờ cúng, tôn vinh cũng như cung cách ứng xử với thần linh trong văn hóa Việt Nam đã trở thành truyền thống tốt đẹp, lâu đời trong lịch sử văn hóa của người Việt. Trong đó, kiệu rước tượng đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong tín ngưỡng, tôn giáo, góp phần hình thành nghi lễ rước kiệu độc đáo trong tín ngưỡng,

* Học viên Cao học, Trường Đại học KHXH và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
Ngày nhận bài: 28/5/2024; Ngày biên tập: 6/6/2024; Duyệt đăng: 23/6/2024.

tôn giáo của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ. Nghiên cứu kiệu rước tượng thông qua hình dáng kết cấu, cách thức điêu khắc, hoa văn chạm trổ... qua các thời kỳ lịch sử khác nhau sẽ góp phần cung cấp thêm tri thức dân gian về văn hóa truyền thống của người Việt. Từ đó, tác giả có nhiều cơ hội tiếp cận, tìm hiểu và giải mã những giá trị, những hằng số văn hóa của kiệu rước tượng trong văn hóa truyền thống của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ, qua khảo sát tại Hà Nội.

Đã có các công trình với quy mô và tính chất khác nhau như: Lê Trung Vũ (Chủ biên) với *Lễ hội Thăng Long* (2001); Trần Lâm Biền với *Đồ thờ trong di tích của người Việt* (2003); Nguyễn Chí Bền với *Lễ hội cổ truyền của người Việt: cấu trúc và thành tố* (2015); Ngô Đức Thịnh với *Tín ngưỡng lễ hội cổ truyền Việt Nam* (2018); Vũ Đức Chính với *Văn hóa Phật giáo và Công giáo trong đời sống tinh thần của người Việt Nam* (2016); Vũ Văn Đạt với *Dấu ấn văn hóa truyền thống dân tộc trong quan niệm của người Công giáo Việt Nam về các vị Thánh trong đạo* (2018); Giuse Maria Đỗ Mạnh Hùng với *Rước kiệu Công giáo Việt Nam: Một vài nét đẹp về phụng sự và văn hóa* (2022)... Tuy nhiên, các công trình này chỉ đề cập đến kiệu rước tượng với tư cách là một thành tố không thể thiếu trong các lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt, hay chỉ dừng lại ở khái niệm, mô tả rất sơ sài trong một số phần giới thiệu về mỹ thuật và chưa có công trình nào nghiên cứu sâu và tập trung trình bày những điểm tương đồng và khác biệt của kiệu rước tượng trong tín ngưỡng, tôn giáo vùng châu thổ Bắc Bộ. Từ đó, các tri thức liên quan đến đặc điểm kết cấu, ý nghĩa hoa văn và những đặc trưng cùng giá trị của kiệu rước tượng trong tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ vẫn là một dấu hỏi lớn, tạo nên khoảng trống lớn trong tri thức tổng quan về kiệu rước tượng trong tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt nói chung và người Việt ở châu thổ Bắc Bộ nói riêng.

Với cách tiếp cận liên ngành Tôn giáo học, Việt Nam học, và các phương pháp nghiên cứu định tính, tập trung phỏng vấn sâu kết hợp phỏng vấn tham dự, nghiên cứu này góp phần phân loại các loại hình, bóc tách và gọi tên từng bộ phận, kết cấu và các lớp văn hóa đang hiện hữu trên kiệu rước tượng, đồng thời, khẳng định tầm quan trọng, đặc

trung và giá trị văn hóa tâm linh của kiệu rước tượng trong tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi chỉ khảo sát tại Hà Nội, nơi hiện diện cả tục rước kiệu tượng của tín ngưỡng Thành hoàng và rước kiệu tượng trong nghi lễ của Công giáo.

Cần nhấn mạnh rằng, phong tục kiệu rước tượng hay gọi là rước kiệu là một trong những nét đặc trưng của văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống của Việt Nam, thể hiện sự tôn vinh, kính trọng các vị thần trong đời sống tâm linh của người dân Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng.

Với tín ngưỡng Thành hoàng làng, mỗi làng thờ một hoặc nhiều vị Thành hoàng làng được triều đình sắc phong Thượng đẳng thần, Trung đẳng thần hoặc Hạ đẳng thần. Cùng với câu “trống làng nào làng ấy đánh, Thánh làng nào làng ấy thờ”, người dân thường tổ chức các lễ hội và thực hành nghi thức rước kiệu để tôn vinh những vị thần này. Nghi lễ rước kiệu Thành hoàng làng thường diễn ra vào các ngày gắn với cuộc đời, sự nghiệp của các vị Thành hoàng làng như ngày sinh, ngày hóa, ngày tập kết quân, ngày tiến quân... Nhân dân tham gia thực hiện nghi thức rước kiệu với tấm lòng thành kính hướng đến các vị Thành hoàng làng, mong các vị ban phúc cho mùa vàng bội thu, phong đăng hòa cốc. Tại Hà Nội hằng năm, nhiều làng xã như làng Quan Nhân, Phùng Khoang, La Phù, Tranh Khúc... vẫn thường xuyên tổ chức lễ hội theo phong tục một năm/lần, hay hai năm/lần hoặc năm năm/lần. Người dân thực hành nghi lễ rước kiệu Thành hoàng làng để thần đi vãng cảnh tứ phương, nơi vị Thành hoàng làng đang bảo hộ với hy vọng vị thần sẽ ban cho những điều tốt đẹp đến cuộc sống của mỗi người.

Với Công giáo, trong các lễ trọng như lễ dâng hoa kính Đức Mẹ Maria, lễ Thánh Quan Thầy... người dân tham gia thực hiện nghi lễ rước kiệu với tấm lòng phụng sự cao cả và cầu nguyện cho sự an lành, hạnh phúc. Tại Hà Nội hằng năm, nhiều giáo xứ như giáo xứ Thạch Bích, Hà Hồi, Từ Châu, Tân Lạc... vẫn thường xuyên tổ chức nghi lễ rước kiệu Thánh, rước kiệu Đức Mẹ Maria... trong ngày lễ trọng của riêng vị đó. Đặc biệt, vào tháng 5 dương lịch hằng năm (người dân Công giáo thường gọi là tháng Hoa), người dân sẽ tổ

chức dâng hoa và thực hiện nghi lễ rước kiệu Đức Mẹ Maria vào những thứ bảy hoặc chủ nhật của tháng 5 theo kế hoạch của từng giáo xứ và giáo họ trực thuộc.

1. Vài nét về loại hình kiệu rước tượng

Kiệu rước tượng thể hiện rõ tính biểu trưng riêng giữa từng loại hình kiệu, những khác biệt trong hình thức và cách thức sử dụng giữa các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo và không gian nghi lễ cụ thể. Dưới đây là một số loại hình kiệu với những cấu kiện cụ thể của mỗi loại hình: Kiệu Bát Cống gồm *kiệu Bát Cống không mái che* và *kiệu Bát Cống có mái che*

1.1. Kiệu Bát Cống không mái che

Loại hình *Kiệu Bát Cống không mái che*, gồm hai bộ phận lớn: *thân kiệu* và *đòn kiệu*.

Thân kiệu (bành kiệu, sập kiệu): Hình dáng chiếc ghế, đặt trên cùng của kiệu, gồm nhiều bộ phận như lưng tựa, vách kiệu, đế bành. Thân kiệu là không gian tượng thần linh ngự hoặc đặt bát hương hay bài vị thần linh...

Ở lưng tựa (hậu bành, bành sau, tam sơn): Một tấm gỗ khá lớn ngả về phía sau, mặt gỗ phía trước được để phẳng, mặt gỗ phía sau thường được trang trí hai, ba hay tổ hợp nhiều hoa văn uốn lượn như tứ linh gồm rồng, kỳ lân, rùa, phượng, cá chép, hoa sen, lá cây, mây và một số hoa văn khác.

Ở vách kiệu (thân bành): Hai tấm gỗ gắn vào hai bên lưng tựa, hai đầu chênh lệch theo tỷ lệ khoảng 3:2. Mặt gỗ bên trong trơn nhẵn, mặt gỗ bên ngoài thường trang trí rồng uốn lượn, một số trường hợp có thêm hoa văn cá chép.

Ở đế bành (chân bành): Tấm gỗ phía dưới thân kiệu, đỉnh đế bành là tấm gỗ phẳng, gắn kết với hai vách kiệu ở hai bên trái - phải và lưng tựa. Phần thân đế bành gồm bốn tấm gỗ tạo thành hình vuông hoặc hình chữ nhật, gắn vào tấm gỗ trên đỉnh đế bành. Bốn tấm gỗ thường chia thành các ô nhỏ, trang trí nhiều hoa văn như rồng, phượng, hoa, lá... theo quy tắc cặp đôi song song có hoa văn giống nhau.

Đòn kiệu: Tám thanh gỗ, có độ to, dày như nhau nhưng chiều dài khác nhau, hai đòn gỗ có độ dài bằng nhau tạo thành một cặp, bốn cặp được gọi là một cặp đòn cái, một cặp đòn giăng và hai cặp đòn khiêng.

Ở đòn cái (đòn dọc): Hai đòn bằng nhau, ở giữa phẳng, đầu và đuôi cong lên. Đầu đòn trang trí hoa văn đầu rồng hoặc đầu phượng hướng cong lên, đuôi đòn trang trí hoa văn đuôi rồng hoặc đuôi phượng. Hai đòn đặt phía dưới đế bành, giữa mỗi đòn thường trang trí hoa văn hổ phù ở giữa và hai con rồng ở hai bên cạnh, hai bên đối xứng là hai hoa văn phượng có kích cỡ nhỏ hơn.

Ở đòn giăng (đòn ngang): Hai đòn bằng nhau, đầu và đuôi cong lên, ở giữa phẳng, đặt dưới hai đòn cái theo phương vuông góc. Đầu bốn đòn trang trí hoa văn đầu rồng hướng cong lên. Các hoa văn trang trí uốn lượn cách điệu, những cặp hoa văn đối xứng có cùng kích cỡ, một vài kiệu có thêm một mảng gỗ đặt ở phía trên và ở giữa đòn giăng, chạm khắc hoa văn rồng, phượng, lá cây, mây...

Ở đòn khiêng (đòn con): Bốn đòn bằng nhau, đầu và đuôi cong lên, ở giữa phẳng, đặt dưới hai đòn giăng theo phương vuông góc. Đầu bốn đòn trang trí hoa văn đầu rồng hoặc đầu phượng hướng cong lên, đuôi bốn đòn trang trí hoa văn đuôi rồng hoặc đuôi phượng hướng cong lên, giữa mỗi đòn thường trang trí hoa văn hổ phù. Các hoa văn trang trí uốn lượn cách điệu, những cặp hoa văn đối xứng có cùng kích cỡ.

1.2. Kiệu Bát Cống có mái che

Loại hình kiệu *Bát Cống có mái che*, gồm ba bộ phận lớn: *mái Long Đình*, *thân Long Đình* và *đòn kiệu*.

Mái Long Đình (đỉnh Long Đình): Đặt trên cùng của kiệu, gồm nhiều bộ phận như hai tầng mái che (mỗi tầng có bốn mái che) và quả cầu. Diện tích hai tầng mái che lớn dần từ đỉnh xuống hết chân mái che, bốn xương sống ở bốn phía mái vòm cong với độ nghiêng khoảng 30 - 45 độ tạo sự mềm mại cho tổng thể không gian mái.

Ở quả cầu: Một quả gỗ hình tròn, bề mặt nhẵn mịn, không điêu khắc hoa văn, đặt trên đỉnh mái Long Đình, một số kiệu thay quả cầu bằng lọ nước hoặc không đặt hiện vật nào, phía dưới là trụ đỡ quả cầu.

Ở mái trên (mái nhỏ): Hình chóp cụt tứ giác đều, phía trên đặt trụ đỡ quả cầu. Bốn xương sống ở bốn phía mái chạy từ chân trụ đỡ quả cầu xuống đến hết chiều dài mái. Bốn góc chân mái tạo tác hoa văn

đầu phượng hướng về phía trước và hai cánh phượng tỏa ra hai bên, dính liền thanh ngang nối bốn chân mái (mỗi chân mái có một hoa văn đầu phượng). Bốn mảng gỗ lớn phủ kín không gian mái trên thường để nhẵn mịn và vẽ hình ảnh rồng, mây, sóng...

Ở mái dưới (mái to): Hình chóp cụt tứ giác đều, thường to gấp đôi mái trên, bốn góc chân mái tạo tác hoa văn rồng có đầu hướng về phía trước giống hoa văn phượng ở mái trên. Sau đầu rồng chia thành ba thân và ba đuôi rồng với hai thân và hai đuôi nhỏ tỏa ra hai bên, dính liền thanh ngang nối bốn chân mái, một thân và một đuôi to chạy từ chân mái đến đầu mái và chạy song song trên bốn xương sống bốn phía mái. Bốn mảng gỗ lớn phủ kín không gian mái dưới thường để nhẵn mịn và vẽ hình ảnh rồng, hồ phù, mây...

Ngoài ra, một số kiệu Bát Cống có mái che có phần mái giống thân chiếc thuyền lật úp, bề mặt mái trơn nhẵn, thường không trang trí hoa văn, người dân thường gọi là kiệu Bát Cống Mui Luyện.

Thân Long Đình (Long cung): Gồm nhiều bộ phận như hành lang bảo vệ, cột và tường. Trong thân Long Đình là không gian tượng thần linh ngự hoặc đặt bát hương hay bài vị thần linh.

Ở hành lang, phía ngoài cùng, bao quanh bốn hướng, được tạo tác khoảng từ 15 - 18 thanh gỗ nhỏ, ngắn, đặt thẳng đứng, cách đều nhau, kết nối bốn mặt của thân Long Đình. Các thanh gỗ này thường thấy trong hành lang cầu thang hay hành lang bao quanh ban công các tầng trong nhà truyền thống. Một vài kiệu không làm hành lang bảo vệ thì ở mỗi góc có chạm khắc rồng, nghê, lá cây...

Ở cột: Bốn cột gỗ tròn dựng thẳng đứng ở bốn phía, nối từ đuôi mái dưới (hoa văn đầu rồng) đến mặt sàn thân Long Đình. Bề mặt cột nhẵn mịn, có một hoặc hai hoa văn rồng cách điệu quấn quanh cột, một vài kiệu khác không có hoa văn rồng quấn quanh thân cột. Phần đỉnh và hai bên của hai cột liền nhau thường chạm khắc lưỡng long châu thái cực, lá cây...

Ở tường: Bốn mặt tường không khép kín hoặc khép kín, mặt trước, trang trí nhiều mảng hoa văn như trên đỉnh là hoa văn phượng, rồng, chữ Thọ, lá cây, có thể có thêm con nghê nhìn đối diện nhau. Hai mặt bên thường chạm khắc hoa văn rồng, có thể khắc thêm một hoa văn cá

chép nhỏ được chạm ở phía trước ngay dưới đầu rồng. Mặt sau, có một tấm gỗ khá lớn, mặt gỗ bên trong trơn nhẵn, mặt gỗ bên ngoài thường trang trí hai, ba hay tổ hợp nhiều hoa văn như tứ linh gồm rồng, lân, rùa, phượng, cá chép, hoa sen, lá cây, mây, sóng và một số hoa văn khác.

Ở đế (chân): Phần gỗ phía dưới thân kiệu, phần trên của đế có thể giữ nguyên hoặc chia thành các ô gỗ song song có diện tích lệch nhau hoặc bằng nhau. Các ô thường trang trí nhiều hoa văn như rồng, phượng, hoa, lá... theo quy tắc tấm gỗ bên trái - bên phải và đằng trước - đằng sau có hoa văn giống nhau, một vài trường hợp thì bốn mặt đều có hoa văn giống nhau. Phần dưới của đế với bốn mặt thường khắc lưỡng long châu hổ phù, lưỡng phụng tranh châu...

Đòn kiệu: Kết cấu, hoa văn giống với kiệu Bát Cống không mái che được viết chi tiết ở bên trên nên chúng tôi xin phép không trình bày lại.



Hình 1: Kiệu Bát Cống có mái che của đình Vạn Phúc (đình Hàng Tổng), Hà Nội. Nguồn: Tác giả chụp ngày 23/03/2024.

Ngoài ra, còn loại hình **Long Đình**, gồm ba bộ phận lớn: *mái Long Đình, thân Long Đình, đế Long Đình* và *đòn khiêng*.

Mái Long Đình: Kết cấu, hoa văn giống với kiệu Bát Cống có mái che được viết chi tiết ở bên trên nên chúng tôi xin phép không trình

bày lại. Ngoài ra, một số Long Đình có mái che có phần mái giống thân chiếc thuyền lật úp, bề mặt mái trơn nhẵn, thường không trang trí hoa văn, người dân thường gọi là kiệu Bát Cống Mui Luyện.

Thân Long Đình (Long cung): Kết cấu, hoa văn giống với kiệu Bát Cống có mái che được viết chi tiết ở bên trên nên chúng tôi xin phép không trình bày lại.

Đế Long Đình (án gian): Giống án gian, phần trên cùng của bốn mặt thường chia thành năm ô gồm: hai ô ngoài cùng để trống, khi rước Long Đình sẽ luồn đòn khiêng qua hai ô này, ba ô ở giữa chạm khắc các hoa văn đa dạng như rồng, phượng, hoa, lá cây... Bốn mặt được thiết kế hoa văn theo quy tắc tám gỗ bên trái - bên phải và đằng trước - đằng sau có hoa văn giống nhau, thi thoảng có trường hợp hoa văn cả bốn mặt giống nhau.

Đòn khiêng: Hai đòn bằng nhau, tạo tác đơn giản gồm đầu đòn, thân đòn và đuôi đòn. Đầu đòn chạm khắc hoa văn đầu rồng, thân đòn nhẵn mịn, thuận tiện cho việc luồn đòn qua đế Long Đình để rước trong những nghi lễ quan trọng, đuôi đòn chạm khắc hoa văn đuôi rồng. Đầu đòn và đuôi đòn thường tách khỏi thân đòn, khi rước Long Đình sẽ lắp ba phần vào nhau.

2. Một số điểm tương đồng và khác biệt trong kiệu rước tượng của tín ngưỡng Thành hoàng làng và nghi lễ rước kiệu của Công giáo ở Hà Nội

2.1. Về tên gọi, kết cấu và kích thước của kiệu rước tượng

Về **tên gọi**, hiện nay đa số người dân địa phương thường gọi tên kiệu trong tín ngưỡng Thành hoàng làng và Công giáo ở Hà Nội theo hai cách: *Thứ nhất*, tên gọi truyền thống của kiệu là kiệu Bát Cống và Long Đình. Trong đó, với Kiệu Bát Cống có mái che, phần mái được chia thành kiểu chông diêm và kiểu mui luyện (được người dân thường gọi là kiệu Bát Cống Mui Luyện). Cách gọi này dựa vào ý nghĩa trong tên gọi và hình dáng mái kiệu, mang tính lý thuyết, hàn lâm hơn. *Thứ hai*, tên kiệu gắn liền với mục đích của từng nghi lễ rước kiệu trong từng lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống của mỗi địa phương, mang tính ứng dụng, thực tiễn hơn.

Khảo sát và trao đổi với các ông thủ từ, các ông trong Ban Quản lý di tích, Ban Tổ chức các lễ hội tín ngưỡng Thành hoàng làng và một số người khác tại một số cơ sở tín ngưỡng trong Hà Nội được biết: “*Khi rước kiệu đi lấy nước thì gọi là kiệu rước nước hay kiệu nước, rước hoa thì gọi là kiệu hoa hay kiệu phù hoa...*”¹. Một số địa phương đang gọi theo quy tắc “kiệu + tên vị thần linh đang ngự trên kiệu” như kiệu Đức Thánh Ông, kiệu Đức Thánh Bà, kiệu Đức Thánh Bồi... Một số trường hợp đặc biệt như ở thôn Hoàn, Mỹ Đức, Hà Nội, chia sẻ: “*Đình Hoàn và chùa Giao Quang đang sử dụng chung kiệu, đình Thượng Lâm và chùa Linh Quang cũng đang sử dụng chung kiệu. Các kiệu đều không có tên, khi đặt vị Thần nào lên kiệu thì gọi tên kiệu bằng tên vị Thần đó*” (Pvs, L.Đ.S, nam, 21 tuổi, người dân tham gia rước kiệu trong lễ hội truyền thống Thượng Lâm Trang, Hà Nội, 03/2024).

Với Công giáo, kiệu cũng có hai cách gọi tương tự như trong tín ngưỡng Thành hoàng làng. Dựa vào màu sắc chủ đạo của kiệu nên các giáo dân thường gọi kiệu Bát Cống là kiệu Vàng. Tùy theo mục đích rước kiệu trong từng nghi lễ cụ thể, kiệu có thêm các tên gọi mang tính ứng dụng, thực tiễn hơn như kiệu Thánh Quan Thầy, kiệu Hoa kính Đức Mẹ, kiệu Mân Côi...



Hình 2: Kiệu Bát Cống không mái che rước Đức Thánh Cả (người dân địa phương gọi là kiệu Đức Thánh Cả) của đình Thượng Lâm trong lễ hội truyền thống Thượng Lâm Trang, Hà Nội năm 2023. Nguồn: Đàm Trọng Dương chụp ngày 03/03/2023.

Về **kết cấu**, kiệu rước tượng trong tín ngưỡng Thành hoàng làng ở Hà Nội là kiệu Bát Cống với ba phiên bản chính là kiệu Bát Cống không mái che, kiệu Bát Cống có mái che kiểu chông diêm và kiệu Bát Cống có mái che kiểu mui luyện, đồng thời sử dụng Long Đình với các đặc điểm đã được trình bày bên trên. Kiệu Bát Cống và Long Đình trong tín ngưỡng Thành hoàng làng phổ biến với kết cấu mái che gồm hai tầng mái (mỗi tầng bốn mái) kiểu chông diêm mang đặc trưng kiến trúc các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống của Việt Nam và một số kiệu rước tượng có kết cấu mái che kiểu mui luyện. Kiệu rước tượng trong nghi lễ rước kiệu của Công giáo ở Hà Nội thường có hai điểm đặc biệt trong kết cấu: *một là*, phần mái che gồm một tầng và để hở (với kiệu Bát Cống có mái che), *hai là*, biểu tượng Công giáo đặt ở trên đỉnh các loại hình kiệu rước tượng. Cụ thể, kết cấu phần mái che gồm một tầng với khung mái và các hoa văn theo khung mái. Trên đỉnh kiệu rước tượng trong Công giáo như kiệu Thánh Quan Thầy, kiệu Đức Mẹ Maria, kiệu Hoa... xuất hiện biểu tượng “cây Thánh Giá” được gắn chặt trên đỉnh mái của kiệu. Đây là biểu tượng đặc biệt quan trọng của Công giáo và giúp chúng tôi nhận diện và phân loại kiệu rước tượng trong tín ngưỡng Thành hoàng làng và nghi lễ của Công giáo ở Hà Nội. Khảo sát thực tế cho thấy kết quả tương đồng với nhận định của tác giả Trần Lâm Biền: “Về sau, trong bố cục của các kiệu Bát Cống ít có sự thay đổi, mà phần nào chỉ có nghệ thuật trên kiệu mang nét tương ứng với thời kỳ sản sinh ra nó” [Trần Lâm Biền, 2003: 137].



Hình 3: Kiệu Bát Cống có mái che rước Đức Mẹ Maria (người dân địa phương gọi là kiệu Đức Mẹ Maria) tại nhà thờ giáo xứ Thạch Bích, Hà Nội trong nghi lễ rước kiệu Đức Mẹ Maria. Nguồn: Tác giả chụp ngày 05/05/2024.

Về **kích thước**, các loại hình kiệu rước tượng trong tín ngưỡng Thành hoàng làng và nghi lễ của Công giáo ở Hà Nội có kích thước tổng thể và các bộ phận tương tự, một số kiệu có sự chênh lệch nhưng không nhiều. Theo lời của những người trong Ban Quản lý di tích và người dân địa phương thì kiệu mới được làm dựa trên các thông số của kiệu cũ nên cơ bản kích thước không có sự khác biệt, một số kiệu có phần đòn khiêng ngắn hơn một chút để thuận tiện cho nghi lễ rước kiệu trong hoàn cảnh đường phố rất nhỏ ở một số nơi như hiện nay. Một công chức phường chia sẻ: *“Kiệu làm bằng gỗ, trải qua chiến tranh đã bị hư hỏng, các ông bà đã tu bổ lại, thậm chí đóng lại theo kích thước và hoa văn của kiệu cổ”* (Pvs, Đ.Đ.V, nam, 55 tuổi, công chức văn hóa xã hội phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội, tháng 3/2024). Qua quá trình khảo sát thực tế và đo đạc kích thước kiệu rước tượng, chúng tôi nhận thấy số liệu tương đồng với chia sẻ của một người đã từng tham gia chế tác và nắm nhiều thông số về kiệu rước tượng: *“Với kiệu Bát Cống, hai đòn cái là bộ phận to nhất, dài trung bình 3.6m đến 4.2m, kiệu đòn 4 có đòn cái thường dưới 4m, không có đòn giằng và đòn khiêng, cấu trúc tất cả vẫn giống kiệu Bát Cống”* (Pvs, N.V.L, nam, 28 tuổi, từng làm kiệu, thành viên Ban tổ chức lễ hội truyền thống Thượng Lâm Trang, Hà Nội, 05/2024). Ngoài ra, trong Công giáo, có một loại kiệu dùng để rước hoa (hay thường gọi là kiệu hoa) có kích thước rất nhỏ và nhẹ, thường được bốn người khiêng. Trong đoàn rước kiệu của Công giáo, kiệu hoa đi trước, kiệu chính (rước tượng) thường đi cuối cùng trong hàng kiệu rước.

2.2. Về thời gian và phong cách trang trí trên kiệu rước tượng

Về **thời gian**, có thể nhận diện kiệu cổ và kiệu mới trong tín ngưỡng Thành hoàng làng và nghi lễ của Công giáo ở Hà Nội thông qua lớp sơn son thếp vàng trên bề mặt kiệu, tình trạng gỗ và các bộ phận của kiệu. Kiệu có niên đại khoảng 100 năm trở lên (theo lời người dân) thì lớp sơn son thếp vàng bị bong tróc nhiều ở các đầu rồng và các bộ phận dễ va quệt khi di chuyển kiệu. Nhìn vết nứt trên các bộ phận của kiệu cổ, màu gỗ thường rất đậm (màu nâu đậm, đỏ đậm). Với lớp sơn trên bề mặt kiệu, ông Thủ từ cho biết: *“Hiện nay đình Đông Xã có một kiệu Bát Cống cổ với niên đại khoảng 200 năm, sơn son thếp vàng ta và một kiệu mới làm từ khoảng năm 1996, sơn*

son thép bạc phủ vàng kim” (Pvs, P.Đ.T, nam, 67 tuổi, Thủ từ đình Đông Xã, Hà Nội, tháng 03/2024). Nhìn lớp sơn son thép vàng trên hai kiệu trong đình Đông Xã, không khó để nhận thấy sự chênh lệch về niên đại giữa hai kiệu. Sư thầy chia sẻ: *“Hiện nay, do chi phí nên các kiệu mới làm không còn sơn son thép vàng ta nữa”* (Pvs, nam, 34 tuổi, Phó Trụ trì chùa Linh Quang, thành viên Ban tổ chức lễ hội truyền thống Thượng Lâm Trang, Hà Nội, tháng 5/2024). Một thành viên của Ban quản lý di tích chia sẻ: *“Từ ngày tôi tham gia công tác quản lý, khiêng ra bê vào có va chạm bị nứt thì chỉ gắn lại chứ không thể thay đổi thể trạng. Bây giờ vẫn làm kiệu bằng gỗ tốt nhưng nhẹ, bê đi bê lại thuận tiện hơn, còn các kiệu cổ bao giờ cũng nặng. Có một số làng đóng mới thì đóng gọn lại, dáng kiệu không thể thay đổi nhưng gọn nhẹ hơn”* (Pvs, nam, 83 tuổi, thành viên Ban Quản lý di tích đền - đình kiêm Thủ từ đình Liễu Giai, Hà Nội, 03/2024). Về vấn đề này, một Thủ nhang chia sẻ: *“Kiệu trong đền Liễu Giai có từ lâu lắm rồi, từ khi tôi chưa ra đời, hơn trăm năm rồi, tôi đã 84 tuổi rồi”* (Pvs, nữ, 84 tuổi, Trưởng Ban Quản lý di tích đền - đình kiêm Thủ nhang đền Liễu Giai, Hà Nội, 03/2024). Lại một ý kiến khác cho biết: *“Một số kiệu Bát Cống rất dài nhưng không gian đường phố rất chật hẹp nên các cụ điều chỉnh cho đóng hẹp. Kiệu mới làm lại theo nguyên mẫu xưa nhưng các đường nét chạm trở bây giờ đẹp hơn, tinh xảo hơn, độ bóng, ánh vàng bây giờ cũng sáng hơn, không xỉn như xưa”* (Pvs, nam, 55 tuổi, công chức văn hóa xã hội phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội, tháng 3/2024).

Về **phong cách trang trí**, kiệu rước tượng trong tín ngưỡng Thành hoàng làng ở Hà Nội tập trung điêu khắc các hoa văn “tứ linh” và các hoa văn mang đậm yếu tố văn hóa nông nghiệp lúa nước của người Việt. Hoa văn rồng xuất hiện nhiều nhất, điêu khắc công phu, nhiều kích cỡ, góp phần tạo nên sự đa dạng của kiệu rước tượng, một thủ từ chia sẻ: *“Hoa văn chạm khắc không đại diện Thánh nào, hoa văn như “trang sức” của kiệu từng thời, có nơi chạm hoa văn đầu rồng và đuôi rồng hoặc hình rồng. Từng thời đại, địa phương và nghệ nhân làm kiệu sẽ quyết định hoa văn trên kiệu”* (Pvs, P.Đ.T, nam, 67 tuổi, Thủ từ đình Đông Xã, Hà Nội, tháng 3/2024) và *“Linh vật rồng được chạm khắc nhiều nhất, có các đặc điểm khác nhau theo thời kỳ,*

phượng, lân, rùa, mây, một số kiệu có thêm cá theo hình tượng cá hóa rồng” (Pvs, nam, 28 tuổi, từng làm kiệu, thành viên Ban tổ chức lễ hội truyền thống Thượng Lâm Trang, Hà Nội, tháng 5/2024). Với kiệu rước tượng trong Công giáo, các bộ phận đều tập trung vào tạo tác hoa văn hoa và lá cây, các đòn kiệu đều tạo tác rõ các đường gân lá, đuôi rồng không “xoáy”. Một số kiệu rước tượng chỉ tạo tác hoa văn hoa và lá cây và thường sử dụng để rước Đức Mẹ Maria.

2.3. Về phương thức rước kiệu

Rõ ràng, “kiệu sinh ra để rước”, mục đích rước khác nhau nên nội dung, ý nghĩa của nghi lễ rước kiệu ở mỗi lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống đều có nhiều sự khác biệt.

Trong tín ngưỡng Thành hoàng làng

Tín ngưỡng Thành hoàng làng và Phật giáo gắn kết sâu sắc đến mức đình làng và chùa làng thường ở gần nhau, thậm chí ở trong cùng khuôn viên như đình - chùa Quan Nhân, đình - chùa Phùng Khoang, đình - chùa La Phù, đình - chùa Khương Trung... hay sự phối kết hợp thờ cúng Phật và Thần (hay Thánh, là Thành hoàng làng) trong các chùa theo mô thức “tiền Phật hậu Thánh/Thần). Tín ngưỡng Thành hoàng làng mang đậm bản sắc văn hóa và tư duy của người Việt cùng truyền thống gắn kết bền chặt tạo nên các hình thức rước kiệu độc đáo tại các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống.

Rước kiệu đến các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo khác theo quan hệ “nguồn gốc, gia đình”

Nhiều lễ hội truyền thống thường được tổ chức kết hợp giữa nhiều cơ sở như đình, đền, quán, chùa... để tưởng nhớ các sự kiện liên quan đến đối tượng thần linh được thờ cúng. Trong lễ hội truyền thống tại đình hay chùa, người dân thường rước kiệu Thành hoàng làng đến những nơi được cho là quê quán, nơi sinh, nơi hóa, nơi đóng quân... của các vị. Người dân dựa vào các thông tin trong thần phả, thần tích, sắc phong và những lời truyền miệng qua các thế hệ... để lựa chọn cung đường rước kiệu phù hợp. Chúng tôi xin phép liệt kê một số lễ hội điển hình như lễ hội năm làng Mọc, lễ hội đình La Phù, đình Ngải cầu, lễ hội Thập Tam Trại, lễ hội Tổng Nam Phù... Trong lễ hội Thập

Tam trại (nay là 18 trại), người dân 18 trại rước kiệu sang đình Lê Mật bên Long Biên (quê hương của Thành hoàng làng Hoàng Phúc Trung) để tế lễ tưởng nhớ việc ngài đã khai hoang, lập 13 làng trại phía Tây kinh thành Thăng Long thời Lý. Lễ hội năm làng Mọc là sự kết hợp của bốn đình làng gồm Quan Nhân, Giáp Nhất, Cự Chính (Cự Lộc và Chính Kinh) và Phùng Khoang. Lễ hội Tổng Nam Phù (thờ nhị vị Bồ Tát) năm nay vừa tổ chức đã kết hợp giữa chùa Hưng Long và một số chùa cùng các đình làng thuộc mười làng trong Tổng Nam Phù (tên gọi cũ). Hay lễ hội chùa Keo là sự kết hợp giữa chùa Keo với nghề Keo, đình Dân và đình Bằng trong không gian văn hóa tâm linh vùng Keo. Ngoài ra, còn rất nhiều lễ hội truyền thống khác là sự kết hợp của đình với một hoặc nhiều đình, chùa khác nhau tại địa phương.

Rước kiệu đến các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo khác theo phong tục “kết chạ”

Tác giả Trần Quốc Vượng đã từng nhận định: “Văn hoá Việt Nam xét về bản chất là một nền văn hoá xóm làng” [Trần Quốc Vượng, 2003: 18]. Văn hóa xóm làng với đặc trưng “nông dân - nông nghiệp - nông thôn” cùng tính chất làng xã “nửa kín, nửa hở” tạo điều kiện cho dân nhiều làng đồng lòng đoàn kết trong đời sống lao động và thực hành văn hóa tâm linh. Nhiều làng ngày nay vẫn giữ gìn và thực hiện phong tục “kết chạ” giữa các vị Thành hoàng làng từ ngày xưa thông qua những nghi lễ trong các lễ hội truyền thống. Chúng tôi xin phép liệt kê một số lễ hội điển hình như lễ hội năm làng Mọc, lễ hội Thập Tam trại,... Tục kết chạ giữa năm làng Mọc bắt nguồn từ tích chuyện một cậu bé khi nhận được nắm cơm đã chia cho bốn cậu bé khác, năm người kết nghĩa anh em, khi lớn đều lập nghiệp trong vùng và tạo thành những ngôi làng trù phú hay chính là làng Mọc sau này. Hiện nay, lễ hội truyền thống năm làng Mọc đang thể hiện sâu sắc tinh thần tương trợ, đồng lòng của cư dân năm làng Mọc. Ngoài ra, còn rất nhiều lễ hội truyền thống khác thể hiện qua hệ “kết chạ” truyền thống giữa nhiều cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo tại địa phương.

Trong Công giáo

Trong các nghi lễ truyền thống của Công giáo như lễ kính Đức Mẹ Maria, lễ Thánh Quan Thầy... người dân rước kiệu từ nhà thờ của

giáo xứ đến các nhà thờ của giáo họ trực thuộc, sau đó quay trở lại nhà thờ giáo xứ. Quá trình rước kiệu thường diễn ra nhanh và không có sự kết hợp rước kiệu giữa các nhà thờ hay theo tục “kết chạ” giữa các làng xã. Trong tháng Hoa kính Đức Mẹ Maria, giáo xứ Thạch Bích long trọng tổ chức lễ rước kiệu Đức Mẹ từ nhà thờ giáo xứ đến nhà thờ bốn giáo họ trực thuộc giáo xứ Thạch Bích, sau đó rước kiệu quay lại nhà thờ giáo xứ và kết thúc nghi lễ rước kiệu. Chúng tôi nhận thấy dấu ấn của truyền thống trọng Mẫu đối với Đức Mẹ Maria vào Đức Mẹ Maria và dấu ấn của tục thờ Thành hoàng làng đối với Thánh Quan Thầy thông qua cách hiểu và niềm tin dành cho hai đối tượng trên.

2.4. Một vài nhận xét

Thứ nhất, kiệu rước tượng trong tín ngưỡng Thành hoàng làng ở Hà Nội phản ánh sự hỗn dung giữa văn hóa nông nghiệp truyền thống với Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo

Kiệu rước tượng trong tín ngưỡng Thành hoàng làng thể hiện đặc trưng văn hóa nông nghiệp thông qua các hoa văn như rồng, rùa, hoa sen, mặt trăng, mặt trời, mây, hoa, lá... được tạo tác ở nhiều vị trí với kích cỡ đa dạng, uyển chuyển. Các hoa văn liên kết hài hòa, thể hiện câu chuyện nhân văn về đời sống nông nghiệp, phương thức tư duy thôn dã của cư dân Việt. Tất nhiên, “không tự dựng các cụ ngày xưa lại chạm khắc rồng, phượng, long châu hổ phục, kim quy, lân... các hoa văn này đều là những linh vật rất linh nghiệm với ngày xưa và ăn sâu vào tiềm thức của người dân đến tận bây giờ” (Pvs, nam, 55 tuổi, công chức văn hóa xã hội phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội, tháng 3/2024). Đặc biệt, trong tiềm thức của người dân quan niệm “về lịch sử, rồng, phượng, rùa... đều có thánh tích, không thể thích cái gì thì khắc cái đó. Các đình đền muốn tu sửa hay đóng mới hoàn toàn vẫn phải theo kiểu mẫu, chỉ biến đổi một chút để tôn thêm vẻ đẹp còn nguồn gốc sự tích thì không thể bỏ được” (Pvs, nam, 83 tuổi, Thành viên BQLDT đền - đình kiêm Thủ từ đình Liễu Giai, Hà Nội, tháng 3/2024).

Trong các hoa văn biểu tượng cho đời sống văn hóa nông nghiệp, hoa sen là kết tinh lưỡng phân hoàn hảo giữa đặc tính tự nhiên của hoa sen và môi trường duyên giữa hoa sen và Phật giáo. Với văn hóa nông

nghiệp truyền thống, hoa sen là biểu tượng thanh cao, tinh khiết của thế giới tự nhiên và trong tâm hồn người Việt - “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”. Với Phật giáo, có thể nói hoa sen “là tượng trưng của Phật giáo và duyên khởi này có liên quan đến việc hoa sen rất được xem trọng ở Ấn Độ từ xưa đến nay” [Nguyễn Tuệ Chân, 2008: 44]. Và “Ở Việt Nam đạo Phật du nhập rất sớm nên hoa sen cũng được mọi người trân trọng, trở thành một biểu trưng của đạo Phật” [Nguyễn Du Chi, 2003: 214-215]. Tuy nhiên, hoa văn hoa sen thường ít xuất hiện trên kiểu rước tượng, nếu có thì thường xuất hiện ở lưng tựa của kiểu Bát Cống không mái che và tường phía sau của kiểu Bát Cống có mái che.

Với văn hóa nông nghiệp lúa nước, người Việt phụ thuộc vào yếu tố nước nên đã sáng tạo rồng với ý nghĩa đầu tiên là biểu tượng cho nước. Nông dân tin rằng những sức mạnh của nước do rồng thực hiện và muốn mùa màng “phong đăng hòa cốc” phải phụ thuộc nhiều vào yếu tố nước, “do vậy, thần nước cũng chính là thần Rồng”, mà Ernest Ingersoll cho rằng: “*Khái niệm nằm trong chữ “rồng” gắn liền với những quyền lực và hành động của các vị thần đầu tiên, và giống như những quyền lực cùng hành động đó, nó mơ hồ, dễ thay đổi và mâu thuẫn trong các thuộc tính của nó, chỉ duy trì từ đầu đến cuối một đặc điểm có thể xác định - kết hợp với nước và kiểm soát nước*” [Ernest Ingersoll, 1928: 2]. Trong văn hóa cung đình, rồng trở thành biểu tượng của hoàng tộc, quyền lực của triều đình phong kiến. Tư tưởng Nho giáo có sức ảnh hưởng khác nhau đến văn hóa cung đình giữa các giai đoạn lịch sử nhưng một trong những cách để thể hiện quyền lực Nho giáo chốn cung đình là thông qua biểu tượng rồng. Tác giả Nguyễn Du Chi viết: “*Dường như những di tích có liên quan đến vua mới được chạm rồng, còn các kiến trúc khác, dù là của Hoàng hậu (như chùa Lạng, chùa Tám...) cũng bị cấm. Điều đó chứng tỏ đến thời này đã có quy chế nghiêm ngặt và rồng không còn là vật tổ dân dã mà đã được dành riêng cho thần quyền mặc dù trong cấu trúc của nó vẫn giữ nguyên những quan niệm của dân dã*” [Nguyễn Du Chi, 2001: 538]. Tác giả Chu Quang Trứ nhận định: “*Với nhà Lý, cái ý thức vua gắn với rồng - rồng là biểu trưng của vua đã được khẳng định*” [Chu Quang Chứ, 2012: 282]. Đồng thời, tác giả Trần

Lâm Biền và Chu Quang Trứ viết: *“Từ một con vật mang ý niệm vũ trụ vốn được người thời ấy tôn sùng, có lẽ rồng đã bị nhà vua độc chiếm để làm vật bảo vệ và trang điểm cho uy lực của mình”* [Trần Lâm Biền - Chu Quang Trứ, 1975: 12]. Tựu chung, rồng mang tính chất lưỡng cực - gắn bó mật thiết với nông dân sông nước và vua quan chốn cung đình. Rồng đại diện cho vương quyền (quyền lực của vua quan chốn cung đình) và thần quyền (quyền lực của thần linh trong các tín ngưỡng, tôn giáo).

Yếu tố Đạo giáo xuất hiện thông qua hiện tượng kiệu bay, kiệu quay hay kiệu thăng trong các nghi lễ rước kiệu. Đạo giáo không hiện hiện rõ nét như Phật giáo và Nho giáo nhưng là yếu tố then chốt làm tăng sự linh thiêng và sự quyền uy của thần thánh đang ngự trên kiệu. Theo quan sát của những người tham gia lễ hội rước kiệu từ trước đến nay chia sẻ cũng như quan niệm: *“Hiện tượng kiệu bay dạng như lên đồng tập thể, không có ai điều khiển gì bên ngoài, không có ai chỉ huy, tất cả đều là tự phát”* (Pvs, nam, 64 tuổi, Trưởng BQLDT đình Nhật Tảo, Hà Nội, tháng 3/2024). Một người dân đã từng khiêng kiệu bốn lần nhận thấy: *“Khi kiệu bay thì tự chân chạy, tự kiệu quay, không ai dạy như thế nào, quay như thế nào và khi kiệu bay thì nhẹ bổng như không có gì trên vai”* (Pvs, nam, 55 tuổi, công chức văn hóa xã hội phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội, tháng 3/2024) và *“Kiệu tự quay, tự bay nên không thể kiểm soát được”*. Tuy nhiên, cũng có người dân nhận định: *“Kiệu quay không phải Thánh hóa, Thánh quay, tất cả do con người”* (Pvs, nam, 66 tuổi, Thủ từ đình Vạn Phúc (đình Hàng Tổng), Hà Nội, tháng 3/2024). Đặc biệt, có người khẳng định: *“Kiệu không bay mà chắc chắn là người làm kiệu bay”* (Pvs, nam, 85 tuổi, Trưởng BQLDT đình Cống Vị, Hà Nội, tháng 3/2024). Như vậy, người dân ở từng địa phương có quan niệm khác nhau về yếu tố Đạo giáo qua hiện tượng kiệu bay, kiệu quay hay kiệu thăng trong các nghi lễ rước kiệu. Có thể nhận thấy, yếu tố “lên đồng” mang đặc trưng của Đạo giáo, Vu hích hay Shaman giáo dùng để thiêng hóa các nhân vật được thờ cúng, biến các vị thành những thần linh nhiều quyền năng hơn. Đạo giáo đã góp công giúp các thần linh đến gần hơn với người dân thông qua nghi thức rước kiệu. Hiện nay, trong nghi lễ rước kiệu Thành hoàng làng ở rất nhiều địa phương thường có hiện tượng kiệu

quay, kiệu bay và kiệu lội nước, còn trong lễ rước kiệu của Công giáo không xảy ra hiện tượng này.

Thứ hai, kiệu rước tượng trong Công giáo ở Hà Nội phản ánh sự dung hợp giữa văn hóa bản địa của người Việt và biểu tượng của Công giáo

Kiệu rước tượng trong Công giáo ở Hà Nội có nhiều điểm tương đồng với kiệu rước tượng trong tín ngưỡng Thành hoàng làng thông qua nhiều tiêu chí như tên gọi, kết cấu, kích thước, thời gian... đã được phân tích bên trên. Một số tiêu chí không giống nhau hoàn toàn nhưng có điểm chung, tạo thành khung xương cơ bản của kiệu rước tượng trong tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ nói chung và ở Hà Nội nói riêng. Tuy nhiên, kiệu rước tượng trong Công giáo ở Hà Nội đã khéo léo lồng ghép biểu tượng “cây Thánh Giá” vào vị trí cao nhất - trên đỉnh của kiệu rước tượng để thể hiện sự uy nghiêm, cũng là cách nhận diện, phân biệt kiệu rước tượng của Công giáo với các kiệu của tín ngưỡng, tôn giáo khác. Ngoài ra, kiệu Đức Mẹ Maria được trang trí toàn bộ trên thân kiệu là hoa văn hoa và lá cây, cũng là cách gợi nhắc đến thánh Hoa kính Đức Mẹ Maria.

Kết luận

Kiệu rước tượng trong tín ngưỡng Thành hoàng làng và nghi lễ rước kiệu của Công giáo ở Hà Nội đã góp phần minh chứng cho sự hỗn dung tín ngưỡng, tôn giáo độc đáo trong thực hành văn hóa tâm linh. Tác giả đã phân tích và đưa ra một số điểm tương đồng, cùng như khác biệt về kiệu rước tượng của tín ngưỡng Thành hoàng làng và nghi lễ rước kiệu của Công giáo ở Hà Nội qua nhiều tiêu chí như tên gọi, kết cấu và kích thước, thời gian, phong cách trang trí, hình thức rước kiệu và hỗn dung các lớp văn hóa trên kiệu rước tượng. Từ đó, nghiên cứu cung cấp thêm một góc nhìn khách quan, thực tế về sự hỗn dung xen lẫn tính địa phương từng làng xã trong tín ngưỡng, tôn giáo ở Hà Nội. Nghiên cứu này cũng cho thấy vai trò quan trọng của kiệu rước tượng và nghi lễ rước kiệu trong lễ hội truyền thống của từng làng xã như tác giả Trần Lâm Biền nhận định: *“Nhìn chung kiệu là một hiện vật chính trong đám rước của lễ hội, nó vượt cao hơn hẳn dòng người, như nhằm mục đích đề cao vị thần và để neo mắt khách*

hành hương” [Trần Lâm Biền, 2003: 137]. Tựu chung, nhận diện và nghiên cứu kiểu rước tượng trong tín ngưỡng Thành hoàng làng và nghi lễ rước kiệu của Công giáo ở Hà Nội thật sự cần thiết và phù hợp với bối cảnh hiện tại, cung cấp thêm dung lượng tri thức mới, bồi đắp vào bức tranh văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo đa sắc của người Việt./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Tổng hợp từ các cuộc trao đổi với các ông P.Đ.T, 67 tuổi, Thủ từ đình Đông Xã, Hà Nội, ngày phỏng vấn: 24/03/2024; ông Đ.Đ.N, nam, 72 tuổi, Phó BQLDT kiêm Thủ từ đình Quan Nhân, Hà Nội, ngày phỏng vấn: 26/03/2024; ông T.T.V, nam, 83 tuổi, thành viên BQLDT đền - đình kiêm Thủ từ đình Liễu Giai, Hà Nội, ngày phỏng vấn: 12, 23/03/2024; anh T.V.K, nam, 27 tuổi, thành viên BQLDT - BTC lễ hội truyền thống chùa Bối Khê, Hà Nội, ngày phỏng vấn: 20, 23/04/2024 cùng một số người khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Lâm Biền (2003), *Đồ thờ trong di tích của người Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
2. Trần Lâm Biền - Chu Quang Trứ (1975), *Nghệ thuật chạm khắc cổ Việt Nam (qua các bản rập)*, Viện Nghệ thuật - Bộ Văn hóa, Sài Gòn.
3. Nguyễn Tuệ Chân (2008), *Tủ sách Bách khoa Phật giáo - Toàn tập giải thích hình tượng hoa sen Phật giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
4. Nguyễn Du Chi (2003), *Hoa văn Việt Nam từ thời tiền sử đến nửa đầu thời kỳ phong kiến*, Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội - Viện Mỹ thuật, Hà Nội.
5. Nguyễn Du Chi (2001), *Trên đường tìm về cái đẹp của cha ông*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
6. Ernest Ingersoll, *Rồng và những hiểu biết về rồng*, Đỗ Trọng Quang dịch, tư liệu của Viện Bảo tàng Mỹ thuật, 1928, Hà Nội.
7. Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) (2007), *Rồng trong quan niệm phương Đông và phương Tây*, <https://vusta.vn>, ngày đăng tải: 03/01/2007, ngày truy cập: 30/05/2024.
8. Chu Quang Trứ (2012), *Mỹ thuật Lý Trần - Mỹ thuật Phật giáo*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
9. Trần Quốc Vượng (2003), *Văn hóa Việt Nam - Tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
10. Tư liệu khảo sát của tác giả tại các địa bàn nghiên cứu tại Hà Nội, 2024.

Abstract

SIMILARITY AND DIFFERENCES OF THE PROCESSIONS OF BELIEF AND RELIGION IN THE RED RIVER DELTA (Palanquin procession of Thanh Hoang belief and Catholic rituals in Hanoi)

Nguyen Duy Thanh

*Master's student, University of Social Sciences and Humanities,
VNU Hanoi*

Palanquin processions and procession rituals demonstrate belief in gods and the spirit of community cohesion in a typical wet rice agricultural cultural space. For each belief and religion, the concept of palanquin procession and procession ritual differs through structure, pattern, form of procession, and people's belief in traditional rituals. Through the interdisciplinary approach of Religious Studies, and Vietnamese Studies with qualitative research methods, focusing on in-depth interviews and participant interviews, this research aims to clarify the procession of the Thanh Hoang belief to compare with the Catholic procession ceremony of the Vietnamese people in the Northern Delta. It provides folk knowledge, partly explaining the traditional cultural identity of Vietnamese people in building national cultural identity.

Keywords: Customs, statue procession, Thanh hoang beliefs, Catholic rituals, Hanoi